

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**    **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 6490 /BGTVT-TC  
V/v chấn chỉnh và công khai  
tình hình quyết toán dự án  
hoàn thành năm 2020

*Hà Nội, ngày 06 tháng 7 năm 2021.*

Kính gửi:

- Tổng cục Đường bộ Việt Nam;
- Các Cục QLNN chuyên ngành;
- Cục QLXD & CLCTGT;
- Các Vụ: Tài chính; Tổ chức cán bộ; Kế hoạch đầu tư; Đối tác công-tư;
- Các Ban Quản lý dự án: 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 85, Thăng Long, đường Hồ Chí Minh, Hàng hải, Đường sắt, Đường thủy, Mỹ Thuận;
- Các Tổng công ty: Đường sắt Việt Nam, ACV, VEC;
- Các Viện, Trường thuộc Bộ;
- Các Sở Giao thông vận tải.

Bộ GTVT nhận được văn bản số 5678/BTC-ĐT ngày 31/05/2021 của Bộ Tài chính về việc công khai tình hình quyết toán dự án hoàn thành năm 2020, Bộ GTVT chấn chỉnh và thông báo công khai tình hình quyết toán dự án hoàn thành năm 2020 do Bộ GTVT quản lý như sau:

**1. Công tác báo cáo tình hình quyết toán dự án hoàn thành năm 2020.**

Bộ GTVT đã có văn bản số 12569/BGTVT-TC ngày 08/12/2020 yêu cầu các cơ quan phê duyệt, chủ đầu tư, ban QLDA phải nộp báo cáo tình hình quyết toán dự án hoàn thành năm 2020 về Bộ GTVT trước ngày 03/01/2020, báo cáo phải đầy đủ nội dung và đúng biểu mẫu theo quy định tại Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020. Bộ GTVT đã nhận được báo cáo của các cơ quan, đơn vị tuy nhiên còn tồn tại sau:

- Còn có chủ đầu tư, ban quản lý chưa gửi báo cáo tình hình quyết toán dự án hoàn thành năm 2020, đặc biệt là rất nhiều Sở GTVT được Bộ giao làm chủ đầu tư dự án không thực hiện báo cáo;

- Chất lượng công tác báo cáo vẫn còn một số tồn tại tuy đã được chỉ ra trong các năm trước, song vẫn chưa được khắc phục:

+ Chỉ tiêu mẫu biểu báo cáo của một số đơn vị chưa đúng quy định tại mẫu biểu; Không đồng bộ trong số liệu tổng hợp: có sự chênh lệch khá lớn giữa TMDT được duyệt và giá trị đề nghị phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành;

+ Về số vốn còn lại chưa thanh toán so với giá trị quyết toán được duyệt, số vốn đã xử lý đến thời điểm ký gửi báo cáo, hầu hết các báo cáo không có đầy đủ số liệu theo quy định;

+ Một số đơn vị nhằm “*dự án hoàn thành trong năm báo cáo*” là năm thực hiện công tác quyết toán. “*dự án hoàn thành trong năm báo cáo*” là dự án hoàn thành nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng trong năm báo cáo;

+ Nhiều báo cáo của đơn vị không có phụ biểu kèm theo (biểu chi tiết dự án);

+ Thiếu các đánh giá, nhận xét về nguyên nhân chậm, muộn; những thuận lợi, khó khăn và đề xuất kiến nghị trong công tác quyết toán dự án hoàn thành cũng như công tác tổng hợp báo cáo của đơn vị.

Do vậy, Bộ yêu cầu các cơ quan đơn vị nghiêm túc rút kinh nghiệm, chấn chỉnh công tác báo cáo tình hình quyết toán dự án hoàn thành. Khi thực hiện báo cáo tình hình quyết toán dự án hoàn thành năm 2021 phải nghiêm cứu kỹ quy định về biểu mẫu, thông tin số liệu báo cáo theo quy định của Chính phủ về thanh, quyết toán vốn đầu tư công và nộp báo cáo về Bộ GTVT đúng hạn theo quy định để Bộ GTVT báo cáo Bộ Tài chính kịp thời.

Căn cứ báo cáo của các cơ quan, đơn vị, Bộ GTVT đã có văn bản số 1077/BGTVT-TC ngày 04/02/2021 báo cáo tình hình công tác quyết toán dự án hoàn thành năm 2020 gửi Bộ Tài chính theo quy định.

## **2. Tình hình quyết toán dự án hoàn thành năm 2020.**

### **2.1. Công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán.**

a) Đã phê duyệt quyết toán.

Đơn vị: triệu đồng

TT	Tên dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị phê duyệt	Giá trị quyết toán được phê duyệt	Giảm trừ	Số vốn còn lại chưa TT so với duyệt QT	Số vốn đã xử lý đến thời điểm ký gửi báo cáo
I	Quyết toán dự án hoàn thành	18	10.254.407	7.661.386	7.640.153	21.233	59.918	7.180
1	Dự án vốn NSNN	17	8.791.556	6.529.493	6.524.251	5.242	59.918	7.180
2	Dự án PPP	1	1.462.851	1.131.893	1.115.902	15.991		
II	Quyết toán hạng mục	33	104.104.130	23.361.862	23.019.542	342.320	240.265	120.822

	hoàn thành							
1	Dự án vốn NSNN	21	65.114.313	13.526.482	13.455.793	70.689	240.265	120.822
2	Dự án PPP	12	38.989.817	9.835.380	9.563.749	271.631		

b) Đã nộp báo cáo quyết toán dự án hoàn thành, đang thẩm tra phê duyệt quyết toán.

T T	Loại dự án	Dự án trong thời hạn thẩm tra phê duyệt quyết toán				Dự án chậm phê duyệt quyết toán dưới 24 tháng			
		Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị QT	Vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị QT	Vốn đã thanh toán
I	Quyết toán dự án hoàn thành	10	29.999.825	25.245.494	2.317.000	5	2.118.419	1.856.504	-
1	Dự án vốn NSNN	9	28.399.825	23.764.494	2.317.000	5	2.118.419	1.856.504	-
2	Dự án PPP	1	1.600.000	1.481.000	-	-	-	-	-
II	Quyết toán hạng mục hoàn thành	17	120.528.940	22.018.392	436.446	1	74.718	33.905	33.905
1	Dự án vốn NSNN	14	87.317.336	20.113.082	436.446	1	74.718	33.905	33.905
2	Dự án PPP	3	33.211.604	1.905.310	-	-	-	-	-

## 2.2. Công tác lập, trình duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

TT	Loại dự án	Dự án trong thời hạn lập báo cáo quyết toán			Dự án chậm trình quyết toán dưới 24 tháng		
		Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng số vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng số vốn đã thanh toán
I	Quyết toán dự án hoàn thành	4	13.067.233	8.060.177	7	32.685.040	26.102.772
1	Dự án vốn NSNN	4	13.067.233	8.060.177	7	32.685.040	26.102.772
2	Dự án PPP						
II	Quyết toán hạng mục hoàn thành	5	16.757.406	1.215.232	7	78.597.595	25.342.579
1	Dự án vốn NSNN	5	16.757.406	1.215.232	6	77.199.447	24.617.270
2	Dự án PPP	-	-	-	1	1.398.148	725.309

Về số vốn còn lại chưa thanh toán so với giá trị quyết toán được duyệt, số vốn đã xử lý đến thời điểm ký gửi báo cáo nêu trên chưa đầy đủ vì một số đơn vị lập không đúng mẫu biểu báo cáo hoặc không báo cáo.

(Chi tiết tình hình công tác quyết toán dự án hoàn thành năm 2020 theo Phụ biểu kèm theo)

## 2.3. Nhận xét đánh giá:

a) Về tình hình quyết toán:

- Giá trị đề nghị quyết toán cũng như giá trị sau khi phê duyệt quyết toán chiếm khoảng 77% giá trị TMĐT được duyệt (đối với quyết toán hạng mục công trình chiếm khoảng 22% TMĐT của dự án), đây là sự chênh lệch tương đối lớn do thiếu đồng bộ giữa các số liệu thống kê, đặc biệt là các dự án nhóm A; Mặt khác thể hiện các chủ đầu tư, Ban QLDA chưa tập trung lập báo cáo quyết toán dứt điểm toàn bộ dự án, mới chỉ trình quyết toán từng hạng mục công trình nhất là các dự án nhóm A;

- Giá trị giảm trừ khi thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành là 21.233 triệu đồng, chiếm 0,28 % giá trị duyệt quyết toán; giá trị giảm trừ khi phê duyệt quyết toán hạng mục hoàn thành là 342.320 triệu đồng, chiếm 1,49 % giá trị duyệt quyết toán. Số liệu trên chưa kể giá trị trình quyết toán chưa được phê duyệt quyết toán do không đủ điều kiện phê duyệt quyết toán là rất lớn. Như vậy, thể hiện chất lượng công tác lập, trình quyết toán của một số chủ đầu tư, nhà đầu tư, ban QLDA còn nhiều sai sót, hạn chế, chưa rà soát, hoàn tất đầy đủ các thủ tục theo quy định quản lý đầu tư, quản lý chi phí xây dựng công trình. Chất lượng công tác kiểm toán của một số đơn vị kiểm toán độc lập còn nhiều tồn tại, sai sót trọng yếu, trong quá trình thẩm tra quyết toán phải yêu cầu kiểm toán bổ sung.

- Số vốn còn lại chưa thanh toán so với giá trị quyết toán được duyệt là 59.918 triệu đồng, đối với quyết toán hạng mục là 342.320 triệu đồng, đây là số vốn lớn, tuy nhiên số vốn chưa thanh toán chưa phản ánh đầy đủ do một số đơn vị không báo cáo số vốn còn lại chưa thanh toán so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc không có báo cáo.

b) Về số lượng dự án, hạng mục công trình chậm quyết toán:

- Quyết toán dự án hoàn thành: tổng số dự án hoàn thành là 44 dự án, trong đó số dự án chậm quyết toán là 12 dự án (chiếm 22 % dự án hoàn thành), trong đó: chậm nộp báo cáo quyết toán là 07 dự án; chậm thẩm tra, phê duyệt quyết toán là 05 dự án.

- Quyết toán hạng mục độc lập hoàn thành: tổng số hạng mục độc lập hoàn thành là 63 hạng mục công trình, trong đó số dự án chậm quyết toán (theo hạng mục độc lập hoàn thành) là 08 hạng mục (chiếm 12 % hạng mục hoàn thành); trong đó: chậm nộp báo cáo quyết toán là 07 hạng mục; chậm thẩm tra, phê duyệt quyết toán là 01 hạng mục.

- Các dự án chậm phê duyệt quyết toán, gồm có: Tổng cục ĐBVN 02 dự án (dự án QL4D đoạn Km0-Km89; dự án Mùong Nhé-Pắc Ma đoạn Km43-Km81); Cục ĐSVN 03 dự án (dự án Khôi phục cầu Long Biên gđ1 Gia cố đảm bảo an toàn; dự án các cầu yếu còn lại trên tuyến HN-TP.HCM; dự án tuyến đường sắt từ Chùa Vẽ đến nhà máy DAP);

- Trong số các dự án chậm trình quyết toán, một số dự án có giá trị tổng mức đầu tư lớn, giá trị thanh toán lớn nhưng chưa nộp hồ sơ quyết toán, chậm nộp hồ sơ quyết toán, hoặc chưa hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán toàn bộ dự án theo quy định, như:

+ Các dự án do các Tổng công ty làm chủ đầu tư, VEC (dự án cao tốc Nội Bài-Lào Cai, dự án cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây, dự án cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi...); Tổng công ty ĐSVN chưa hoàn tất hồ sơ quyết toán 03 dự án theo yêu cầu của Cục ĐSVN.

+ Các dự án do các ban QLDA quản lý: Ban QLDA2 (dự án đường ô tô Tân Vũ-Lạch Huyện, dự án QL3 mới Hà Nội-Thái Nguyên), Ban QLDA đường thủy (dự án WB6), Ban QLDA Mỹ Thuận (dự án kết nối khu vực trung tâm đồng bằng Mê Kông), Ban QLDA 8 (dự án BOT tuyến tránh Cai Lậy; QL53 đoạn Km139+550 - Km168+000).

+ Các dự án do các Sở GTVT làm chủ đầu tư: Sở GTVT Hà Nội (dự án QL32 Diễn-Nhôn...), Sở GTVT Quảng Ngãi (dự án QL1 đoạn Km1027-Km1045)...nhiều Sở GTVT được Bộ giao làm chủ đầu tư dự án nhưng không báo cáo công tác quyết toán dự án hoàn thành.

- Một số dự án BOT chưa hoàn tất các thủ tục, trình duyệt bổ sung các nội dung chưa đủ điều kiện quyết toán theo yêu cầu của Bộ tại văn bản số 8679/BGTVT-TC ngày 13/9/2019. Một số dự án BOT chưa lập trình quyết toán các hạng mục còn lại của dự án (BOT Pháp Vân - Cầu Giẽ gd2, BOT QL38 đoạn qua Bắc Ninh, BOT QL18 đoạn Bắc Ninh-Uông Bí, BOT tránh Tây Thanh Hóa, BOT hầm Đèo Cả, BOT QL1 tuyến tránh Cai Lậy)

### **3. Bộ Giao thông vận tải yêu cầu các cơ quan, đơn vị:**

Từ tình hình tổng hợp kết quả công tác quyết toán dự án hoàn thành năm 2020 nêu trên và để đảm bảo công tác quyết toán dự án hoàn thành được thực hiện đúng quy định, Bộ GTVT yêu cầu:

3.1. Các cơ quan, đơn vị khẩn trương, nghiêm túc thực hiện Chỉ thị số 05/CT-BGTVT ngày 03/06/2021 của Bộ trưởng Bộ GTVT về tăng cường, đẩy mạnh công tác quyết toán dự án hoàn thành.

3.2. Đối với số liệu báo cáo quyết toán dự án hoàn thành năm 2020, yêu cầu các cơ quan thẩm tra, phê duyệt quyết toán, chủ đầu tư, ban QLDA:

- Chỉ đạo rà soát kiểm tra lại tính chính xác của toàn bộ số liệu báo cáo công tác quyết toán dự án hoàn thành năm 2020, đặc biệt đối với các đơn vị thiếu số liệu báo cáo số vốn đã thanh toán.

- Kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm các đơn vị, cá nhân có liên quan trong việc:

+ Không thực hiện gửi báo cáo tình hình quyết toán dự án hoàn thành năm 2020 đến Bộ GTVT theo thời hạn quy định, hoặc báo cáo tình hình quyết toán thiếu số liệu.

+ Vi phạm thời gian quyết toán dự án hoàn thành bao gồm: chậm thẩm tra, phê duyệt, chậm lập hồ sơ quyết toán nêu trên.

- Tổng cục ĐBVN và Cục ĐSVN khẩn trương thẩm tra, phê duyệt 05 dự án chậm thẩm tra, phê duyệt quyết toán; các chủ đầu tư, ban QLDA nghiêm túc khẩn trương lập hồ sơ quyết toán 07 dự án (07 hạng mục công trình) chậm lập báo cáo quyết toán nêu trên.

- Vụ Kế hoạch đầu tư, chủ đầu tư, ban QLDA và các đơn vị liên quan rà soát, bố trí số vốn của còn thiếu của các dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng theo đúng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 51 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14, điểm c khoản 8 Điều 4 Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 8/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025, khoản 1 Điều 4 Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14; trong đó đối với các dự án thuộc nguồn vốn đầu tư công:

+ Số vốn còn thiếu của các dự án đã hoàn thành đã được phê duyệt quyết toán và dự án đã nộp hồ sơ quyết toán nhưng chưa thẩm tra quyết toán: đề nghị bố trí đủ số vốn còn thiếu trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và xử lý ngay trong kế hoạch năm 2021.

+ Số vốn còn thiếu của các dự án hoàn thành nhưng chưa nộp hồ sơ quyết toán: đề nghị các đơn vị rà soát chính xác số liệu giá trị khối lượng đã thực hiện, vốn đã thanh toán, đề nghị phê duyệt quyết toán, trên cơ sở đó đề xuất bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công.

### 3.3. Đối với các cơ quan tham mưu của Bộ

- Vụ Tài chính chủ trì tham mưu:

+ Thường xuyên kiểm tra, giám sát các chủ đầu tư, ban quản lý dự án, trong việc chấp hành quy định về lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Công khai danh sách các dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án vi phạm thời gian lập báo cáo quyết toán. Có biện pháp ngăn ngừa, xử lý nghiêm những tập thể, cá nhân vi phạm theo quy định.

+ Đôn đốc, hướng dẫn chủ đầu tư, ban quản lý dự án lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành đúng thời gian quy định. Kịp thời tham mưu cho Bộ khi phát hiện chủ đầu tư, ban quản lý dự án vi phạm thời gian lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.

+ Chủ động tổ chức thẩm tra quyết toán đối với các dự án do Bộ trưởng Bộ GTVT phê duyệt quyết toán (đặc biệt là các dự án chậm thẩm tra, phê duyệt quyết toán), làm rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân trong việc chậm thẩm tra, phê duyệt quyết toán để tham mưu cho Bộ có biện pháp xử lý dứt điểm trước ngày 31 tháng 12 năm 2021.

- Vụ Kế hoạch đầu tư chủ trì tham mưu về kế hoạch vốn đối với các dự án hoàn thành đảm bảo theo quy định.



- Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan:

+ Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức để đưa nội dung lập, thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án thành các điều kiện cụ thể làm cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, bình xét thi đua hằng năm của đơn vị, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ;

+ Ưu tiên bố trí nguồn lực nhân sự cho công tác thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành. Trường hợp cần thiết tăng cường, kiện toàn hoạt động của bộ máy thẩm tra quyết toán trong từng cấp; rà soát, đào tạo, nâng cao chất lượng cho đội ngũ làm công tác thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành để bảo đảm thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành có chất lượng, đạt hiệu quả và đúng thời gian quy định.

- Cục QLXD & CLCTGT:

+ Thường xuyên kiểm tra, giám sát các chủ đầu tư, ban quản lý dự án, các nhà thầu trong việc chấp hành quy định về nghiệm thu, lập hồ sơ thanh toán khối lượng hoàn thành, lập hồ sơ quyết toán hợp đồng. Có biện pháp ngăn ngừa, xử lý nghiêm những tập thể, cá nhân vi phạm theo quy định;

+ Chủ trì tham mưu cho Bộ: Tổ chức thực hiện nghiêm việc xử phạt đối với chủ đầu tư, nhà thầu có hành vi vi phạm quy định về nghiệm thu, thanh toán khối lượng hoàn thành và quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý nhà và công sở.

3.4. Đối với Tổng cục ĐBVN và các Cục QLNN chuyên ngành.

- Đôn đốc, hướng dẫn chủ đầu tư, ban quản lý dự án lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án được giao đúng thời gian quy định. Kịp thời báo cáo người có thẩm quyền khi phát hiện chủ đầu tư, ban quản lý dự án vi phạm thời gian lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.

- Tăng cường đẩy mạnh công tác thẩm tra phê duyệt quyết toán thuộc thẩm quyền; chủ động rà soát tình hình thực hiện công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành thuộc phạm vi quản lý (đặc biệt là các dự án chậm thẩm tra, phê duyệt quyết toán), trong đó làm rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân trong việc chậm thẩm tra, phê duyệt quyết toán và có biện pháp xử lý dứt điểm trước ngày 31 tháng 12 năm 2021.

- Ưu tiên bố trí nguồn lực nhân sự cho công tác thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành. Trường hợp cần thiết tăng cường, kiện toàn hoạt động của bộ máy thẩm tra quyết toán trong từng cấp; rà soát, đào tạo, nâng cao chất lượng cho đội ngũ làm công tác thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành để bảo đảm thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành có chất lượng, đạt hiệu quả và đúng thời gian quy định.

- Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức để đưa nội dung lập, trình, thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án thành các điều kiện cụ thể làm cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, bình xét thi đua hằng năm của đơn vị, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của đơn vị.

- Chỉ đạo các tổ chức, cá nhân liên quan rà soát, khắc phục các tồn tại của báo cáo quyết toán dự án hoàn thành, đặc biệt những đơn vị đã có tồn tại từ năm 2019 (theo văn bản số 4258/BGTVT-TC ngày 06/5/2020 của Bộ GTVT).

3.5. Đối với các chủ đầu tư, nhà đầu tư, ban quản lý dự án, nhà thầu:

- Chấp hành nghiêm theo quy định quyết toán dự án hoàn thành:

+ Về thời gian lập hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành, đẩy nhanh việc lập, trình duyệt quyết toán dự án hoàn thành;

+ Tờ trình quyết toán phải đầy đủ số liệu, thông tin, đề xuất cụ thể, phải có danh mục hồ sơ quyết toán theo quy định kèm theo tờ trình, phải cung cấp đầy đủ hồ sơ quyết toán theo quy định (cơ quan thẩm tra, phê duyệt quyết toán sẽ trả lại các tờ trình, hồ sơ quyết toán không đảm bảo theo quy định và kiểm điểm, phê bình đơn vị không tuân thủ quy định);

+ Việc lập, trình quyết toán hạng mục công trình hoàn thành phải bao gồm đầy đủ chi phí xây lắp, chi phí khác theo đúng quy định (đối với các Tờ trình quyết toán hạng mục hoàn thành không tuân thủ đúng quy định được coi như chưa trình quyết toán);

+ Chủ động phối hợp với cơ quan thẩm tra quyết toán cung cấp thông tin, trong giai đoạn thẩm tra quyết toán; thực hiện quản lý và lưu trữ hồ sơ theo đúng quy định để đảm bảo có đầy đủ hồ sơ khi quyết toán dự án hoàn thành.

- Nâng cao năng lực, tuân thủ các quy định của nhà nước về quản lý dự án đầu tư; kiên quyết chỉ đạo xử lý nhanh, giảm tồn đọng quyết toán dự án hoàn thành hàng năm.

- Khẩn trương thực hiện rà soát các dự án đầu tư đã hoàn thành bàn giao, đưa vào sử dụng đến nay chưa thực hiện xong quyết toán dự án hoàn thành (đặc biệt là các chậm lập quyết toán dự án hoàn thành); xác định rõ nguyên nhân chậm quyết toán, những khó khăn vướng mắc cụ thể của từng dự án; làm rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân có liên quan để xử lý trách nhiệm với các tổ chức cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý, đề xuất cụ thể hình thức xử lý trách nhiệm đối với tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ; Trên cơ sở đó, đề xuất các biện pháp xử lý, báo cáo người quyết định đầu tư xem xét xử lý dứt điểm tình trạng chậm quyết toán dự án hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2021.

- Khẩn trương rà soát, khắc phục các tồn tại của báo cáo quyết toán dự án hoàn thành, đặc biệt các dự án đã có tồn tại từ năm 2019 (theo văn bản số 4258/BGTVT-TC ngày 06/5/2020 của Bộ GTVT).



- Chủ động phối hợp, đôn đốc các địa phương phê duyệt quyết toán GPMB theo đúng quy định, tổng hợp quyết toán GPMB đã được phê duyệt vào quyết toán toàn bộ dự án.

- Ưu tiên bố trí nguồn lực nhân sự, cho công tác lập, trình quyết toán dự án hoàn thành. Trường hợp cần thiết tăng cường, kiện toàn hoạt động của bộ máy lập, trình quyết toán của đơn vị; rà soát, đào tạo, nâng cao chất lượng cho đội ngũ làm công tác lập, trình quyết toán dự án hoàn thành để bảo đảm thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành có chất lượng, đạt hiệu quả và đúng thời gian quy định.

- Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức để đưa nội dung lập, trình quyết toán thành các điều kiện cụ thể làm cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, bình xét thi đua hằng năm của đơn vị, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của đơn vị.

- Tổ chức thực hiện nghiêm việc xử lý đối với nhà thầu có vi phạm quy định về nghiệm thu, thanh toán khối lượng hoàn thành và quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo quy định của hợp đồng. Kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xử phạt hành vi vi phạm theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý nhà và công sở.

- Đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán đảm bảo theo đúng chuẩn mực kiểm toán. Nhà thầu phải chủ động phối hợp với các chủ đầu tư, thực hiện lập và cung cấp hồ sơ theo quy định để thực hiện quyết toán dự án hoàn thành;

- Nhà thầu cần chủ động phối hợp với các chủ đầu tư, ban quản lý dự án thực hiện lập hồ sơ quyết toán hợp đồng và cung cấp hồ sơ theo quy định để phục vụ quyết toán dự án hoàn thành.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị khẩn trương thực hiện theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Trang thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Thanh tra Bộ;
- Lưu VT, TC (Tuyên).

**KT.BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Lê Anh Tuấn**



**BÁO CÁO TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH NĂM 2020**  
(Kèm theo văn bản số 6490 /BGTVT-TC ngày 06 tháng 07 năm 2021 của Bộ GTVT)

**1. Dự án hoàn thành đã thẩm tra, phê duyệt quyết toán trong năm 2020**

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Ban QLDA	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị phê duyệt	Giá trị quyết toán được phê duyệt	Chênh lệch	Số vốn còn lại chưa thanh toán so với duyệt QT	Số vốn đã xử lý đến thời điểm ký gửi báo cáo	Cơ quan phê duyệt	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
<b>A</b>	<b>TỔNG CỘNG:</b>		<b>18</b>	<b>10.254.407</b>	<b>7.661.386</b>	<b>7.640.153</b>	<b>21.233</b>	<b>59.918</b>	<b>7.180</b>		
<b>I</b>	<b>Dự án vốn ngân sách nhà nước (đầu tư công)</b>		<b>17</b>	<b>8.791.556</b>	<b>6.529.493</b>	<b>6.524.251</b>	<b>5.242</b>	<b>59.918</b>	<b>7.180</b>		
<i>a</i>	<i>Dự án quan trọng quốc gia (Tiểu dự án TP)</i>		-	-	-	-	-	-	-		
<i>b</i>	<i>Nhóm A</i>		2	5.355.831	3.741.212	3.740.062	1.150	5.648	5.648		
<i>c</i>	<i>Nhóm B</i>		12	3.172.455	2.577.042	2.573.522	3.520	47.670	1.532		
<i>d</i>	<i>Nhóm C</i>		3	263.270	211.239	210.667	572	6.600	-		
<b>II</b>	<b>Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP)</b>		<b>1</b>	<b>1.462.851</b>	<b>1.131.893</b>	<b>1.115.902</b>	<b>15.991</b>	-	-		
<b>B</b>	<b>TỔNG CỘNG DỰ ÁN NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG</b>		<b>18</b>	<b>10.254.407</b>	<b>7.661.386</b>	<b>7.640.153</b>	<b>21.233</b>	<b>59.918</b>	<b>7.180</b>		
<b>I</b>	<b>Dự án vốn ngân sách nhà nước (đầu tư công)</b>		<b>17</b>	<b>8.791.556</b>	<b>6.529.493</b>	<b>6.524.251</b>	<b>5.242</b>	<b>59.918</b>	<b>7.180</b>		
<i>a</i>	<i>Dự án quan trọng quốc gia (Tiểu dự án TP)</i>										
<i>b</i>	<i>Nhóm A</i>		2	5.355.831	3.741.212	3.740.062	1.150	5.648	5.648		
1	Dự án QL1 đoạn Km1153 - Km1212+400, Bình Định	Ban HCM	1	2.484.279	2.076.990	2.075.840	1.150			Bộ GTVT	
2	Dự án đầu tư xây dựng cầu Hưng Hà và đường dẫn hai đầu cầu thuộc Dự án đường nối hai cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với Cầu Giẽ - Ninh Bình	Ban TL	1	2.871.552	1.664.222	1.664.222		5.648	5.648	Bộ GTVT	

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Ban QLDA	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị phê duyệt	Giá trị quyết toán được phê duyệt	Chênh lệch	Số vốn còn lại chưa thanh toán so với duyệt QT	Số vốn đã xử lý đến thời điểm ký gửi báo cáo	Cơ quan phê duyệt	Ghi chú
<b>c</b>	<b>Nhóm B</b>		<b>12</b>	<b>3.172.455</b>	<b>2.577.042</b>	<b>2.573.522</b>	<b>3.520</b>	<b>47.670</b>	<b>1.532</b>		
1	Tiểu dự án đầu tư XD đoạn QL 14C kéo dài từ ngã ba đi Lộc Ninh Km 393+600 đến hết địa phận tỉnh Đak Nông và đoạn nối QL 14C từ Km 397+500 đến cửa khẩu Bu Prăng tỉnh Đak Nông	Ban 5	1	219.909	164.756	163.161	1.595	1.305	1.305	Bộ GTVT	
2	Dự án nâng cấp mạng lưới giao thông tiểu vùng Mê Kông mở rộng phía bắc thứ 2, nâng cấp QL217 tỉnh Thanh Hóa gđ1 (HM bổ sung vốn dự)	Ban TL	1	327.697	326.986	326.670	316	4.478		Bộ GTVT	
3	Tiểu dự án nút giao QL1 với đường sắt tại Nghệ An	Ban 2	1	344.809	102.897	102.897		263		Bộ GTVT	chưa có số liệu cột 10
4	Tiểu dự án 3 dự án mở rộng QL1 đoạn Đốc Xây-TP Thanh Hóa	Sở Thanh Hóa	1	242.048	240.281	240.281		23.133		Bộ GTVT	chưa có số liệu cột 10
5	Cầu vượt tại nút giao tuyến đường Bim Sơn-Phố Cát-Thạch Quảng và QL1A đường sắt Bắc Nam, Thanh Hóa	Sở Thanh Hóa	1	183.516	182.858	182.538	320	64		Bộ GTVT	chưa có số liệu cột 10
6	Dự án xây dựng hệ thống cung cấp dịch vụ hành chính công trực tuyến của Bộ GTVT	Trung tâm Công nghệ thông tin	1	31.453	31.342	31.342		-		Bộ GTVT	
7	Dự án xây dựng 02 cầu Vượt trên QL1 tại nút giao với QL1C và nút giao ngã ba Thành khánh hòa	Ban 5	1	281.836	171.863	171.559	304	10.898		Bộ GTVT	chưa có số liệu cột 10
8	Dự án Nâng cao độ và mở rộng tuyến tránh thủy điện Pleik Krông trên tuyến đường Hồ Chí Minh đoạn Tân Cảnh – Kon Tum, tỉnh Kon Tum	Sở GTVT Kon Tum	1	90.000	86.706	86.637	69	65	0	TCĐBVN	

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Ban QLDA	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị phê duyệt	Giá trị quyết toán được phê duyệt	Chênh lệch	Số vốn còn lại chưa thanh toán so với duyệt QT	Số vốn đã xử lý đến thời điểm ký gửi báo cáo	Cơ quan phê duyệt	Ghi chú
9	Dự án cải tạo, nâng cấp QL32 đoạn Nhôn - Sơn Tây (Km14-Km41), TP Hà Nội	Sở GTVT Hà Nội	1	635.000	537.563	537.563	0	2.900	0	TCĐBVN	
10	Nâng cấp, mở rộng QL 15B đoạn từ ngã ba Đồng Lộc đến QL1, tỉnh Hà Tĩnh	Sở GTVT Hà Tĩnh	1	153.497	150.596	150.260	336	378	227	TCĐBVN	
11	Nâng cấp Quốc lộ 30 đoạn Cao Lãnh – Hồng Ngự (giai đoạn I), tỉnh Đồng Tháp	Sở GTVT Đồng Tháp	1	625.584	544.356	543.802	554	2790	0	TCĐBVN	
12	Nâng cấp, cải tạo nút giao thông giữa QL38 với QL1A và đường sắt Bắc Nam (nút giao Đồng Văn): Hạng mục nút giao đầu nối QL38 với QL21B đoạn Km41+605,5-Km42+380( Lý trình QL21B)	Sở GTVT Hà Nam	1	37.106	36.838	36.812	26	1396	0	TCĐBVN	
<b>d</b>	<b>Nhóm C</b>		<b>3</b>	<b>263.270</b>	<b>211.239</b>	<b>210.667</b>	<b>572</b>	<b>6.600</b>	<b>-</b>		
1	Nhà giảng đường A3 khu giảng đường Đại học CNGTVT, tại Vinh Yên	ĐHCNGTVT	1	25.000	21.627	21.474	153	1.966		Bộ GTVT	chưa có số liệu cột 10
2	Dự án phòng thử nghiệm khí thải xe ô tô hạng nhẹ hai cầu chủ động	Cục ĐKVN	1	118.286	114.061	113.918	143	4.634		Bộ GTVT	chưa có số liệu cột 10
3	Dự án QL8A đoạn nối QL1 cũ với QL1 mới tỉnh Hà Tĩnh	Ban 4	1	119.984	75.551	75.275	276	-		Bộ GTVT	
<b>II</b>	<b>Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP)</b>		<b>1</b>	<b>1.462.851</b>	<b>1.131.893</b>	<b>1.115.902</b>	<b>15.991</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		chưa có số liệu cột 9; 10
1	Dự án BOT ĐTXD công trình cầu Việt Trì - Ba Vì nối QL32 với QL32C theo hình thức BOT	Cty Phú Mỹ/Ban TL	1	1.462.851	1.131.893	1.115.902	15.991			Bộ GTVT	

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Ban QLDA	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị phê duyệt	Giá trị quyết toán được phê duyệt	Chênh lệch	Số vốn còn lại chưa thanh toán so với duyệt QT	Số vốn đã xử lý đến thời điểm ký gửi báo cáo	Cơ quan phê duyệt	Ghi chú
C	<b>DỰ ÁN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH TRONG NĂM BÁO CÁO</b>		-	-	-	-	-	-	-		
I	<b>Dự án vốn đầu tư công</b>		-	-	-	-	-	-	-		
1	<i>Dự án quan trọng quốc gia (Tiểu dự án TP)</i>										
2	<i>Nhóm A</i>										
3	<i>Nhóm B</i>										
4	<i>Nhóm C</i>										
II	<b>Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP)</b>										

LuatVietnam

2. Dự án đã nộp hồ sơ quyết toán

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Loại dự án	Chủ đầu tư/Ban QLDA	Dự án trong thời hạn thẩm tra phê duyệt quyết toán				Dự án chậm phê duyệt quyết toán dưới 24 tháng				Dự án chậm phê duyệt quyết toán từ 24 tháng trở lên				Cơ quan phê duyệt	Ghi chú
			Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị QT	Vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị QT	Vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị QT	Vốn đã thanh toán		
A	<b>TỔNG CỘNG</b>		10	29.999.825	25.245.494	2.317.000	5	2.118.419	1.856.504	-	-	-	-	-		
I	<b>Tổng cộng dự án đầu tư công</b>		9	28.399.825	23.764.494	2.317.000	5	2.118.419	1.856.504	-	-	-	-	-		
a	<i>Quan trọng quốc gia</i>		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
b	<i>Nhóm A</i>		5	26.131.302	21.780.299	2.317.000	-	-	-	-	-	-	-	-		
c	<i>Nhóm B</i>		4	2.268.523	1.984.195	-	4	2.118.419	1.847.884	-	-	-	-	-		
d	<i>Nhóm C</i>		-	-	-	-	1	-	8.620	-	-	-	-	-		
II	<b>Tổng cộng dự án PPP</b>		1	1.600.000	1.481.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
B	<b>Dự án hoàn thành năm trước chuyển sang</b>		8	29.504.751	24.806.820	2.317.000	5	2.118.419	1.856.504	-	-	-	-	-		
I	<b>Tổng cộng dự án đầu tư công</b>		7	27.904.751	23.325.820	2.317.000	5	2.118.419	1.856.504	-	-	-	-	-		
a	<i>Quan trọng quốc gia</i>															
b	<i>Nhóm A</i>		5	26.131.302	21.780.299	2.317.000	-	-	-	-	-	-	-	-		
1	Dự án xây dựng nhà ga hành khách T2 - Cảng HKQT Nội Bài	ACV	1	15.864.785	12.890.322										Bộ GTVT	chưa có giá trị thanh toán
2	Dự án đoàn tàu tốc hành gđ 1	Tcty ĐSVN	1	1.386.400	1.033.900										Bộ GTVT	chưa có giá trị thanh toán
3	Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1A đoạn Km1027-Km1063+877 và Km1092+577-Km1125, tỉnh Quảng Ngãi	Sở Quảng Ngãi	1	2.407.408	1.915.052										Bộ GTVT	chưa có giá trị thanh toán
4	Dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đ-ông sắt Yên Viên - Lào Cai	Ban ĐS	1	3.479.709	3.281.025										Bộ GTVT	chưa có giá trị thanh toán



TT	Loại dự án	Chủ đầu tư/Ban QLDA	Dự án trong thời hạn thẩm tra phê duyệt quyết toán			Dự án chậm phê duyệt quyết toán dưới 24 tháng				Dự án chậm phê duyệt quyết toán từ 24 tháng trở lên				Cơ quan phê duyệt	Ghi chú
			Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị QT	Vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị QT	Vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị QT		
5	Dự án QL1 Km1589-Km1642; Km1692-Km1720 Bình Thuận	Ban TL	1	2.993.000	2.660.000	2.317.000								Bộ GTVT	
<b>c</b>	<b>Nhóm B</b>		<b>2</b>	<b>1.773.449</b>	<b>1.545.521</b>	<b>-</b>	<b>4</b>	<b>2.118.419</b>	<b>1.847.884</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
1	Dự án Hiện đại hóa TTHĐ ĐS đoạn Hà Nội - Vinh, tuyến ĐSTN, giai đoạn II	Ban ĐS	1	1.302.258	1.197.323									Bộ GTVT	chưa có giá trị thanh toán
2	Nâng cấp QL61 đoạn Cái Tư - Gò Quao, Km 52+800-Km 67+000, tỉnh Kiên Giang	TCĐBV N/Ban 8	1	471.191	348.198									Bộ GTVT	chưa có giá trị thanh toán
3	Dự án QL4D đoạn Km0-Km89 (đợt 2, 3, 4)	Sở Lai Châu					1	878.959	756.476					TCĐBVN	chưa có giá trị thanh toán
4	Dự án Mường Nhé-Pắc Ma đoạn Km43-Km81	Sở Lai Châu					1	610.000	597.669					TCĐBVN	
5	Dự án: Khôi phục cầu Long Biên - Giai đoạn 1: Gia cố đảm bảo an toàn cầu Long Biên phục vụ vận tải đường sắt đến năm 2025	TCT ĐSVN					1	250.736	134.768					Cục ĐSVN	chưa có giá trị thanh toán
6	Dự án Cải tạo, nâng cấp tài trọng các cầu yếu còn lại trên tuyến đường sắt Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh	TCT ĐSVN					1	378.724	358.971					Cục ĐSVN	chưa có giá trị thanh toán
<b>d</b>	<b>Nhóm C</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1</b>	<b>-</b>	<b>8.620</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		

TT	Loại dự án	Chủ đầu tư/Ban QLDA	Dự án trong thời hạn thẩm tra phê duyệt quyết toán			Dự án chậm phê duyệt quyết toán dưới 24 tháng				Dự án chậm phê duyệt quyết toán từ 24 tháng trở lên				Cơ quan phê duyệt	Ghi chú
			Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị QT	Vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị QT	Vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị QT		
1	Chi phí lập DADT dự án xây dựng mới tuyến đường sắt từ Chùa Vẽ đến nhà máy DAP thuộc khu kinh tế Đình Vũ-TP. Hải Phòng	TCT ĐSVN						8.620						Cục ĐSVN	chưa có giá trị thanh toán
<b>II Dự án PPP</b>			<b>1</b>	<b>1.600.000</b>	<b>1.481.000</b>	-	-	-	-	-	-	-	-		
1	Dự án BOT xây dựng cầu Thái Hà	Ban TL	1	1.600.000	1.481.000										
<b>C Dự án hoàn thành trong năm báo cáo</b>			<b>2</b>	<b>495.074</b>	<b>438.674</b>	-	-	-	-	-	-	-	-		
<b>I Tổng cộng dự án đầu tư công</b>			<b>2</b>	<b>495.074</b>	<b>438.674</b>	-	-	-	-	-	-	-	-		
<b>a Quan trọng quốc gia</b>															
<b>b Nhóm A</b>			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
<b>c Nhóm B</b>			<b>2</b>	<b>495.074</b>	<b>438.674</b>	-	-	-	-	-	-	-	-		
1	Dự án xây dựng trụ sở làm việc Cảng vụ hàng không miền bắc tại CHKQT Nội Bài	Cảng vụ HKMB	1	105.451	104.952										chưa có giá trị thanh toán
2	Dự án tuyến tránh Quốc lộ 1 đoạn qua Đèo Con, Hà Tĩnh	Ban QLDA85	1	389.623	333.722										chưa có giá trị thanh toán
<b>d Nhóm C</b>			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
<b>II Tổng cộng dự án PPP</b>			<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		

3. Dự án chưa nộp hồ sơ quyết toán

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Loại dự án	Chủ đầu tư/Ban QLDA	Dự án trong thời hạn lập báo cáo quyết toán			Dự án chậm trình quyết toán dưới 24 tháng			Dự án chậm trình quyết toán từ 24 tháng trở lên			Cơ quan phê duyệt	Ghi chú
			Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng số vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng số vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng số vốn đã thanh toán		
A	<b>TỔNG CỘNG</b>		4	13.067.233	8.060.177	7	32.685.040	26.102.772	-	-	-		
1	<b>Tổng cộng dự án Nhà nước</b>		4	13.067.233	8.060.177	7	32.685.040	26.102.772	-	-	-		
a	<i>Dự án quan trọng quốc gia</i>		-	-	-	-	-	-	-	-	-		
b	<i>Nhóm A</i>		2	11.898.339	7.576.283	4	31.754.241	25.279.709	-	-	-		
c	<i>Nhóm B</i>		2	1.168.894	483.894	2	923.669	816.510	-	-	-		
d	<i>Nhóm C</i>		-	-	-	1	7.130	6.553	-	-	-		
2	<b>Tổng cộng dự án PPP</b>		-	-	-	-	-	-	-	-	-		
B	<b>Tổng cộng dự án hoàn thành năm trước chuyển sang</b>		1	10.894	10.894	7	32.685.040	26.102.772	-	-	-		
I	<b>Tổng cộng vốn nhà nước</b>		1	10.894	10.894	7	32.685.040	26.102.772	-	-	-		
a	<i>Dự án quan trọng quốc gia</i>												
b	<i>Nhóm A</i>		-	-	-	4	31.754.241	25.279.709	-	-	-		
1	Dự án đường ô tô Tân Vũ - Lạch Huyện	Ban QLDA2				1	11.849.195	11.849.195				Bộ GTVT	chưa có giá trị TT
2	DA Kết nối KV trung tâm đồng bằng Mê Kong	CIPM				1						Bộ GTVT	
	+ Thành phần 1						6.943.151	4.891.415					chưa có giá trị TT
	+ Thành phần 2						5.620.103	3.648.116					
	+ Thành phần 3						7.341.792	4.890.983					
3	Dự án xây dựng đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi	VEC				1						Bộ GTVT	chưa có giá trị TT
4	Quốc lộ 32 đoạn Diên - Nhôn (Km10+420-Km14+493)	Sở GTVT				1						Bộ GTVT	chưa có giá trị TT

TT	Loại dự án	Chủ đầu tư/Ban QLDA	Dự án trong thời hạn lập báo cáo quyết toán			Dự án chậm trình quyết toán dưới 24 tháng			Dự án chậm trình quyết toán từ 24 tháng trở lên			Cơ quan phê duyệt	Ghi chú
			Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng số vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng số vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng số vốn đã thanh toán		
<b>c</b>	<b>Nhóm B</b>		<b>1</b>	<b>10.894</b>	<b>10.894</b>	<b>2</b>	<b>923.669</b>	<b>816.510</b>	-	-	-		
1	DATP1 mua sắm thiết bị dạy nghề thuộc dự án đầu tư ngành nghề trọng điểm đến năm 2020 của trường CĐGTVT TW2	CĐGTVT TW2	1	10.894	10.894							Bộ GTVT	
2	Cải tạo, nâng cấp QL53 đoạn Km139+550 - Km168+000, tỉnh Trà Vinh.	TCĐBV N/Ban 8				1	189.252	134.510				Bộ GTVT	
3	Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1A đoạn Km1027-Km1045+780 tỉnh Quảng Ngãi	Sở GTVT Quảng Ngãi				1	734.417	682.000				TCĐB VN	
<b>d</b>	<b>Nhóm C</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1</b>	<b>7.130</b>	<b>6.553</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
1	Dự án xây dựng hệ thống tin GTVT lĩnh vực hàng hải	Cục HHVN				1	7.130	6.553					
<b>II</b>	<b>Tổng cộng dự án PPP</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
<b>C</b>	<b>Tổng cộng dự án hoàn thành trong năm báo cáo</b>		<b>3</b>	<b>13.056.339</b>	<b>8.049.283</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
<b>I</b>	<b>Tổng cộng vốn nhà nước</b>		<b>3</b>	<b>13.056.339</b>	<b>8.049.283</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
<b>a</b>	<b>Dự án quan trọng quốc gia</b>												
<b>b</b>	<b>Nhóm A</b>		<b>2</b>	<b>11.898.339</b>	<b>7.576.283</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		

TT	Loại dự án	Chủ đầu tư/Ban QLDA	Dự án trong thời hạn lập báo cáo quyết toán			Dự án chậm trình quyết toán dưới 24 tháng			Dự án chậm trình quyết toán từ 24 tháng trở lên			Cơ quan phê duyệt	Ghi chú
			Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng số vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng số vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng số vốn đã thanh toán		
1	Dự án đầu tư xây dựng cầu cạn Mai Dịch-Nam Thăng Long thuộc dự án Vành đai III Hà Nội	Ban TL	1	5.543.000	2.183.000								
2	Dự án đầu tư xây dựng tuyến Lộ Tê-Rạch Sỏi	CIPM	1	6.355.339	5.393.283								
<b>c</b>	<b>Nhóm B</b>		<b>1</b>	<b>1.158.000</b>	<b>473.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
1	Dự án xây dựng cầu Thịnh Long thuộc tuyến đường bộ ven biển Nam Định	Ban TL	1	1.158.000	473.000								
<b>d</b>	<b>Nhóm C</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
<b>II</b>	<b>Tổng cộng dự án PPP</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		

LuậtVietnam



**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 12/QTĐA

**BÁO CÁO TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN TIÊU DỰ ÁN, HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH NĂM 2020**

Tiêu dự án, hạng mục công trình đã thẩm tra, phê duyệt quyết toán trong năm 2020

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Ban QLDA	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị phê duyệt	Giá trị quyết toán được phê duyệt	Chênh lệch	Số vốn còn lại chưa thanh toán so với duyệt QT	Số vốn đã xử lý đến thời điểm ký gửi báo cáo	Cơ quan phê duyệt	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
<b>A</b>	<b>TỔNG CỘNG:</b>		<b>33</b>	<b>104.104.130</b>	<b>23.361.862</b>	<b>23.019.542</b>	<b>342.320</b>	<b>240.265</b>	<b>120.822</b>		
<b>I</b>	<b>Dự án vốn ngân sách nhà nước (đầu tư công)</b>		<b>21</b>	<b>65.114.313</b>	<b>13.526.482</b>	<b>13.455.793</b>	<b>70.689</b>	<b>240.265</b>	<b>120.822</b>		
<i>a</i>	<i>Dự án quan trọng quốc gia (Tiêu dự án TP)</i>		-	-	-	-	-	-	-		
<i>b</i>	<i>Nhóm A</i>		<i>11</i>	<i>56.133.363</i>	<i>12.472.293</i>	<i>12.461.983</i>	<i>10.310</i>	<i>235.547</i>	<i>120.292</i>		
<i>c</i>	<i>Nhóm B</i>		<i>8</i>	<i>8.802.548</i>	<i>1.017.724</i>	<i>957.477</i>	<i>60.247</i>	<i>3.305</i>	<i>530</i>		
<i>d</i>	<i>Nhóm C</i>		<i>2</i>	<i>178.402</i>	<i>36.465</i>	<i>36.333</i>	<i>132</i>	<i>1.413</i>	-		
<b>II</b>	<b>Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP)</b>		<b>12</b>	<b>38.989.817</b>	<b>9.835.380</b>	<b>9.563.749</b>	<b>271.631</b>	-	-		
<b>B</b>	<b>TỔNG CỘNG DỰ ÁN NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG</b>		<b>33</b>	<b>104.104.130</b>	<b>23.361.862</b>	<b>23.019.542</b>	<b>342.320</b>	<b>240.265</b>	<b>120.822</b>		
<b>I</b>	<b>Dự án vốn ngân sách nhà nước (đầu tư công)</b>		<b>21</b>	<b>65.114.313</b>	<b>13.526.482</b>	<b>13.455.793</b>	<b>70.689</b>	<b>240.265</b>	<b>120.822</b>		
<i>a</i>	<i>Dự án quan trọng quốc gia (Tiêu dự án TP)</i>										
<i>b</i>	<i>Nhóm A</i>		<i>11</i>	<i>56.133.363</i>	<i>12.472.293</i>	<i>12.461.983</i>	<i>10.310</i>	<i>235.547</i>	<i>120.292</i>		
1	QL1 Km 1392-Km1405 và Km1425-Km1445 Khánh Hòa	Ban 7	1	1.366.411	89.611	89.611		42	-	Bộ GTVT	
2	Dự án xây dựng cầu Thanh trì và đoạn Tuyến Nam vành đai 3 Hà Nội (phần chi phí tư vấn nước ngoài và chi phí khác)	Ban TL	1	5.876.782	510.065	510.065		-		Bộ GTVT	



TT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Ban QLDA	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị phê duyệt	Giá trị quyết toán được phê duyệt	Chênh lệch	Số vốn còn lại chưa thanh toán so với duyệt QT	Số vốn đã xử lý đến thời điểm ký gửi báo cáo	Cơ quan phê duyệt	Ghi chú
3	Dự án hành lang ven biển (phần chung của dự án)	CIPM								Bộ GTVT	
	- Dự án TP2		1	1.723.012	140.112	140.112		1.156		Bộ GTVT	chưa có số liệu cột 10
	- Dự án TP3			2.454.889	284.303	284.303		3.178		Bộ GTVT	chưa có số liệu cột 10
4	Dự án TP1 QL 1 đoạn Km517+950÷Km556 thuộc DA Nam tuyến tránh TP Hà Tĩnh - Kỳ Anh (phần còn lại)	Sở GTVT Hà Tĩnh	1	2.022.651	12.705	12.705		872		Bộ GTVT	chưa có số liệu cột 10
5	Dự án QL1A đoạn TP Thanh Hóa- Diên Châu	Ban TL	1	2.751.774	1.026.195	1.019.548	6.647	27.000	27.000	Bộ GTVT	
6	Dự án ĐTXD công trình luồng cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu (các hạng mục tiếp theo)	Ban HH	1	9.781.214	2.193.699	2.192.249	1.450	7.797		Bộ GTVT	chưa có số liệu cột 10
7	Dự án QL1 đoạn Quảng Trị	Ban 6	1	2.670.338	1.345.494	1.344.964	530	57.805		Bộ GTVT	chưa có số liệu cột 10
8	Dự án QL3 mới Hà Nội - Thái Nguyên	Ban 2	1	10.004.000	2.314.589	2.314.589				Bộ GTVT	chưa có số liệu cột 10
9	Cao tốc Cầu Giẽ-Ninh Bình	VEC	1	8.900.000	1.473.837	1.473.837		18.372		Bộ GTVT	chưa có số liệu cột 10
10	Dự án quản lý tài sản đường bộ Việt Nam (VRAM)	TCĐBVN/Ban 3	1	6.305.000	849.006	849.006				Bộ GTVT	
	Dự án LRAMP (gồm 142 dự án thành phần)	Tổng cục ĐBVN	1								
	Các dự án thành phần thuộc Dự án LRAMP do Ban QLDA 3 quản lý (gồm 46 DATP)	Ban QLDA 3		555.421	554.010	553.665	346	66.929	56.711	TCĐBVN	

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Ban QLDA	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị phê duyệt	Giá trị quyết toán được phê duyệt	Chênh lệch	Số vốn còn lại chưa thanh toán so với duyệt QT	Số vốn đã xử lý đến thời điểm ký gửi báo cáo	Cơ quan phê duyệt	Ghi chú
	Các dự án thành phần thuộc Dự án LRAMP do Ban QLDA 4 quản lý (gồm 50 DATP)	Ban QLDA 4		1.267.776	1.231.028	1.230.014	1.014	23.904	23.904	TCĐBVN	
	Các dự án thành phần thuộc Dự án LRAMP do Ban QLDA 6 quản lý (gồm 34 DATP)	Ban QLDA 6		355.015	351.926	351.798	128	25.914	10.338	TCĐBVN	
	Các dự án thành phần thuộc Dự án LRAMP do Ban QLDA 8 quản lý (gồm 9 DATP)	Ban QLDA 8		99.080	95.713	95.517	196	2.578	2.339	TCĐBVN	
<b>c</b>	<b>Nhóm B</b>		<b>8</b>	<b>8.802.548</b>	<b>1.017.724</b>	<b>957.477</b>	<b>60.247</b>	<b>3.305</b>	<b>530</b>		
1	Dự án đầu tư điều chỉnh nút giao giữa cầu Thanh trì với QL5 (HM: TKKT, GS)	Ban TL	1	1.718.000	58.195	58.195		97		Bộ GTVT	
2	Dự án QL91 Châu Đốc - Tịnh Biên, An Giang (các hạng mục còn lại)	Ban 7	1	947.146	8.963	8.963				Bộ GTVT	
3	Dự án QL53 đoạn Km67-Km114, tỉnh Trà Vinh (Đợt 2)	Ban 7	1	1.014.608	336.987	336.987	-	-		Bộ GTVT	
4	QL1 Km1445-Km1488 Khánh Hòa	Ban 7	1	1.510.687	93.161	92.255	906	1.723	530	Bộ GTVT	
5	QL1 đoạn La Sơn - Lăng Cô	Ban 4	1	1.506.122	41.514	41.247	267			Bộ GTVT	
6	Dự án ITS cao tốc TP Hồ Chí Minh - Trung Lương	CIPM	1	803.627	145.321	145.171	150	119		Bộ GTVT	chưa có số liệu cột 10
7	Dự án Kênh Chợ Gạo	Ban ĐT	1	766.869	315.388	256.464	58.924	1.075		Bộ GTVT	chưa có số liệu cột 10
8	Dự án Đầu tư xây dựng công trình sửa chữa và bổ sung hệ thống thoát nước mặt đường tại các vị trí cấp bách trên Quốc lộ	Ban QLDA4	1	535.489	18.195	18.195	0	291	0	TCĐBVN	
<b>d</b>	<b>Nhóm C</b>		<b>2</b>	<b>178.402</b>	<b>36.465</b>	<b>36.333</b>	<b>132</b>	<b>1.413</b>	<b>-</b>		

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Ban QLDA	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị phê duyệt	Giá trị quyết toán được phê duyệt	Chênh lệch	Số vốn còn lại chưa thanh toán so với duyệt QT	Số vốn đã xử lý đến thời điểm ký gửi báo cáo	Cơ quan phê duyệt	Ghi chú
1	Tiểu dự án nút giao đường sắt với QL1 tại Đồng Nai	Ban 2	1	144.013	7.104	7.104		-		Bộ GTVT	
2	Dự án đường ngang nối Cảng Nghi Sơn- Bãi Trành (HM: Tăng cường mặt đường)	Ban HCM	1	34.389	29.361	29.229	132	1.413		Bộ GTVT	chưa có số liệu cột 10
<b>II</b>	<b>Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP)</b>		<b>12</b>	<b>38.989.817</b>	<b>9.835.380</b>	<b>9.563.749</b>	<b>271.631</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		chưa có số liệu cột 9; 10
1	Dự án TP 2: BOT QL 1 đoạn Km987 ÷ Km990 + 200, Km996 + 500 ÷ Km1027+000, tỉnh Quảng Nam	Tổng 5/Ban 5	1	1.625.780	111.470	111.470				Bộ GTVT	
2	Dự án BOT & BT hầm đường bộ qua Đèo Cả, Quốc lộ 1, tỉnh Phú Yên và tỉnh Khánh Hòa	Cty Đèo Cả/Ban 85	1	15.379.298	5.929.348	5.667.348	262.000			Bộ GTVT	
3	BOT QL1 Km741+170 - Km756+705, tỉnh Quảng Trị	Trường sơn+TT/Ban 6	1	1.067.793	301.341	301.341				Bộ GTVT	
4	Dự án BOT Quốc lộ 18	Ban 2	1	2.905.066	681.697	676.138	5.559			Bộ GTVT	
5	BOT QL6 Xuân Mai-Hòa Bình và đường Hòa Lạc-Hòa Bình	Ban 2	1	2.723.011	1.176.926	1.176.926				Bộ GTVT	
6	BOT Hà Nội - Bắc Giang	Ban 2	1	4.213.224	168.414	168.062	352			Bộ GTVT	
7	Dự án BOT cầu Đồng Nai mới và tuyến tránh hai đầu cầu (phần còn lại)	Ban 7	1	3.141.689	665.650	665.650	-			Bộ GTVT	
8	BOT QL1 qua Khánh Hòa	Đèo Cả/Ban7	1	2.644.478	203.619	199.899	3.720			Bộ GTVT	
9	BOT đường HCM đoạn Pleiku-Cầu 110, Gai Lai	Đức Long/Ban HCM	1	1.775.568	38.877	38.877				Bộ GTVT	
10	Dự án BOT QL 26 (gd2)	Ban 5	1	814.346	341.968	341.968				Bộ GTVT	

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Ban QLDA	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị phê duyệt	Giá trị quyết toán được phê duyệt	Chênh lệch	Số vốn còn lại chưa thanh toán so với duyệt QT	Số vốn đã xử lý đến thời điểm ký gửi báo cáo	Cơ quan phê duyệt	Ghi chú
11	BOT QL1 Km1488-Km1525	Cty 194/Ban7	1	2.699.564	104.703	104.703				Bộ GTVT	
12	BOT QL10 Quán Toan - Cầu Nghìn	TASCO/Ban 2	1		111.367	111.367				Bộ GTVT	
<b>C</b>	<b>DỰ ÁN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH TRONG NĂM BÁO CÁO</b>		-	-	-	-	-	-	-		
<b>I</b>	<b>Dự án vốn đầu tư công</b>		-	-	-	-	-	-	-		
<b>1</b>	<b>Dự án quan trọng quốc gia (Tiểu dự án TP)</b>										
<b>2</b>	<b>Nhóm A</b>										
<b>3</b>	<b>Nhóm B</b>										
<b>4</b>	<b>Nhóm C</b>										
<b>II</b>	<b>Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP)</b>										

**LuatVietnam**

2. Tiêu dự án, hạng mục công trình hoàn thành đã nộp hồ sơ quyết toán

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Loại dự án	Chủ đầu tư/Ban QLDA	Dự án trong thời hạn thẩm tra phê duyệt quyết toán				Dự án chậm phê duyệt quyết toán dưới 24 tháng				Dự án chậm phê duyệt quyết toán từ 24 tháng trở lên				Cơ quan phê duyệt	Ghi chú
			Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị QT	Vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị QT	Vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị QT	Vốn đã thanh toán		
A	<b>TỔNG CỘNG</b>		17	120.528.940	22.018.392	436.446	1	74.718	33.905	33.905	-	-	-	-		
I	<b>Tổng cộng dự án đầu tư công</b>		14	87.317.336	20.113.082	436.446	1	74.718	33.905	33.905	-	-	-	-		
a	<i>Quan trọng quốc gia</i>		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
b	<i>Nhóm A</i>		9	78.184.370	19.070.210	-	-	-	-	-	-	-	-			
c	<i>Nhóm B</i>		5	9.132.966	1.042.872	436.446	1	74.718	33.905	33.905	-	-	-			
d	<i>Nhóm C</i>		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
II	<b>Tổng cộng dự án PPP</b>		3	33.211.604	1.905.310	-	-	-	-	-	-	-	-			
B	<b>Dự án hoàn thành năm trước chuyển sang</b>		16	120.287.499	21.777.638	436.446	1	74.718	33.905	33.905	-	-	-			
I	<b>Tổng cộng dự án đầu tư công</b>		13	87.075.895	19.872.328	436.446	1	74.718	33.905	33.905	-	-	-	-		
a	<i>Quan trọng quốc gia</i>															
b	<i>Nhóm A</i>		8	77.942.929	18.829.456	-	-	-	-	-	-	-	-			
1	Dự án đường HCM đoạn Chơn Thành-Đức Hòa (HM: các gói thầu sử dụng vốn dự QL1 và đường HCM qua Tây Nguyên)	Ban HCM	1	2.030.600	407.845										Bộ GTVT	chưa có giá trị thanh toán
2	Dự án xây dựng cầu Nhật Tân và đường hai đầu cầu	Ban QLDA85	1	13.626.665	2.684.538										Bộ GTVT	chưa có giá trị thanh toán
3	Dự án công trình cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng - Giai đoạn khởi động (Gói số 6 Đê chắn sóng đoạn A, kè bảo vệ, tường chắn...)	Ban HH	1	19.000.000	3.180.310										Bộ GTVT	chưa có giá trị thanh toán
4	Dự án cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây (hạng mục)	VEC	1	20.630.253	210.000										Bộ GTVT	chưa có giá trị thanh toán

TT	Loại dự án	Chủ đầu tư/Ban QLDA	Dự án trong thời hạn thẩm tra phê duyệt quyết toán				Dự án chậm phê duyệt quyết toán dưới 24 tháng				Dự án chậm phê duyệt quyết toán từ 24 tháng trở lên				Cơ quan phê duyệt	Ghi chú
			Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị QT	Vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị QT	Vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị QT	Vốn đã thanh toán		
5	Cao tốc Cầu Giẽ-Ninh Bình	VEC	1	8.900.000	2.487.357									Bộ GTVT	chưa có giá trị thanh toán	
6	Dự án Nâng cao an toàn Cầu đ-ông sắt trên tuyến Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh	Ban ĐS	1	9.283.990	7.351.942									Bộ GTVT	chưa có giá trị thanh toán	
7	Dự án Hiện đại hóa TTTH ĐS đoạn Vinh-Sài Gòn, tuyến ĐSTN, giai đoạn I	Ban ĐS	1	2.243.678	1.303.696									Bộ GTVT	chưa có giá trị thanh toán	
8	Dự án Hiện đại hóa TTTH ĐS các Tuyến HN-LC, HN-Đồng Đăng, HN-Thái Nguyên, giai đoạn I	Ban ĐS	1	2.227.743	1.203.768									Bộ GTVT	chưa có giá trị thanh toán	
<b>c</b>	<b>Nhóm B</b>		<b>5</b>	<b>9.132.966</b>	<b>1.042.872</b>	<b>436.446</b>	<b>1</b>	<b>74.718</b>	<b>33.905</b>	<b>33.905</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>			
1	Dự án Quốc lộ 12 B	Ban HCM	1	1.128.777	143.093											
2	Dự án đường HCM đoạn TX Đồng Xoài	Ban HCM	1	276.574	115.465									Bộ GTVT	chưa có giá trị thanh toán	
3	Dự án xây dựng cầu Cỏ Chiên QL60 tỉnh Bến Tre, Trà Vinh (TP2: vốn NN)	Ban QLDA 7	1	997.000	426.739	436.446								Bộ GTVT		
4	Dự án GTNT3 Hiệp định bổ sung (phần Ban 6 thực hiện)	Ban QLDA 6					1	74.718	33.905	33.905				Bộ GTVT		
5	Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản địa phương (Lramp) hợp phần do Ban QLDA 6 quản lý (12 DATP)	Ban QLDA 6	1	6.372.499	114.413									TCĐBVN	chưa có giá trị thanh toán	



TT	Loại dự án	Chủ đầu tư/Ban QLDA	Dự án trong thời hạn thẩm tra phê duyệt quyết toán				Dự án chậm phê duyệt quyết toán dưới 24 tháng				Dự án chậm phê duyệt quyết toán từ 24 tháng trở lên				Cơ quan phê duyệt	Ghi chú
			Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị QT	Vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị QT	Vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị QT	Vốn đã thanh toán		
6	TDA1 Dự án xây dựng cầu Bình Ca (bao gồm đường dẫn cầu từ ngã ba Phú Thịnh đến Km124+500 QL2) thuộc đường HCM	Sở Tuyên Quang	1	358.116	243.162										TCĐBVN	chưa có giá trị thanh toán
<i>d</i>	<b>Nhóm C</b>		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
<b>II</b>	<b>Dự án PPP</b>		<b>3</b>	<b>33.211.604</b>	<b>1.905.310</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
1	BOT QL38 đoạn nối QL1 với QL5 qua tỉnh Bắc Ninh và Hải dương	Ban 2	1	1.698	540.000										Bộ GTVT	chưa có giá trị thanh toán
2	Dự án ĐTXD hầm đường bộ qua Đèo Cả, Quốc lộ 1, tỉnh Phú Yên và tỉnh Khánh Hòa	Ban 85	1	15.379.298											Bộ GTVT	chưa có giá trị thanh toán
	Hạng mục hầm đường bộ qua Đèo Cả			11.377.921	1.022.223											
	Hạng mục hầm Cù Mông			3.007.233	100.973											
	Hạng mục hầm Hải Vân (GĐ 1)			994.144												
3	Dự án TP2 - Đầu tư xây dựng công trình khôi phục cải tạo QL20, đoạn Km154-Km268 theo hình thức BT thuộc dự án đoạn Km123-Km268 theo hình thức hợp đồng BOT&BT	Ban 85	1	2.451.310	242.114										Bộ GTVT	chưa có giá trị thanh toán
<b>C</b>	<b>Dự án hoàn thành trong năm báo cáo</b>		<b>1</b>	<b>241.441</b>	<b>240.754</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
<b>I</b>	<b>Tổng cộng dự án đầu tư công</b>		<b>1</b>	<b>241.441</b>	<b>240.754</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-		

**LuatVietnam**

TT	Loại dự án	Chủ đầu tư/Ban QLDA	Dự án trong thời hạn thẩm tra phê duyệt quyết toán				Dự án chậm phê duyệt quyết toán dưới 24 tháng				Dự án chậm phê duyệt quyết toán từ 24 tháng trở lên				Cơ quan phê duyệt	Ghi chú
			Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị QT	Vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị QT	Vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị QT	Vốn đã thanh toán		
<i>a</i>	<i>Quan trọng quốc gia</i>															
<i>b</i>	<i>Nhóm A</i>		1	241.441	240.754	-	-	-	-	-	-	-	-			
1	Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản địa phương Lramp (11 DATP)	TCĐBVN	1	241.441	240.754									TCĐBVN	chưa có giá trị thanh toán	
<i>c</i>	<i>Nhóm B</i>		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
<i>d</i>	<i>Nhóm C</i>		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
<b>II</b>	<b>Tổng cộng dự án PPP</b>		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			

LuatVietnam

3. Tiểu dự án, hạng mục công trình hoàn thành chưa nộp hồ sơ quyết toán

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Loại dự án	Chủ đầu tư/Ban QLDA	Dự án trong thời hạn lập báo cáo quyết toán			Dự án chậm trình quyết toán dưới 24 tháng			Dự án chậm trình quyết toán từ 24 tháng trở lên			Cơ quan phê duyệt	Ghi chú
			Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng số vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng số vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng số vốn đã thanh toán		
A	<b>TỔNG CỘNG</b>		5	16.757.406	1.215.232	7	78.597.595	25.342.579	-	-	-		
1	<b>Tổng cộng dự án Nhà nước</b>		5	16.757.406	1.215.232	6	77.199.447	24.617.270	-	-	-		
a	<i>Dự án quan trọng quốc gia</i>		-	-	-	-	-	-	-	-	-		
b	<i>Nhóm A</i>		3	12.888.882	984.825	6	77.199.447	24.617.270	-	-	-		
c	<i>Nhóm B</i>		2	3.868.524	230.407	-	-	-	-	-	-		
d	<i>Nhóm C</i>		-	-	-	-	-	-	-	-	-		
2	<b>Tổng cộng dự án PPP</b>		-	-	-	1	1.398.148	725.309	-	-	-		
B	<b>Tổng cộng dự án hoàn thành năm trước chuyển sang</b>		4	16.546.023	1.215.232	7	78.597.595	25.342.579	-	-	-		
I	<b>Tổng cộng vốn nhà nước</b>		4	16.546.023	1.215.232	6	77.199.447	24.617.270	-	-	-		
a	<i>Dự án quan trọng quốc gia</i>												
b	<i>Nhóm A</i>		2	12.677.499	984.825	6	77.199.447	24.617.270	-	-	-		
1	Dự án QL3 mới Hà Nội-Thái Nguyên	Ban QLDA2				1	10.004.590	4.286.377				Bộ GTVT	
2	Dự án Tín dụng ngành GTVT để cải tạo mạng lưới đường quốc gia lần thứ 2	Ban QLDA6	1	6.372.499	984.825							Bộ GTVT	
3	Dự án quản lý tài sản đường bộ Việt Nam (VRAM)	TCĐBVN/Ban 3	1	6.305.000								Bộ GTVT	chưa có giá trị TT
4	Dự án phát triển cơ sở hạ tầng GT đồng bằng sông cửu long (WB6)	Ban ĐT				1	5.800.000	2.445.075					
5	Dự án hành lang ven biển	CIPM				1						Bộ GTVT	

TT	Loại dự án	Chủ đầu tư/Ban QLDA	Dự án trong thời hạn lập báo cáo quyết toán			Dự án chậm trình quyết toán dưới 24 tháng			Dự án chậm trình quyết toán từ 24 tháng trở lên			Cơ quan phê duyệt	Ghi chú
			Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng số vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng số vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng số vốn đã thanh toán		
	+ Thành phần 1.2						1.658.604	412.806					
6	Dự án cao tốc Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây (phần còn lại)	VEC				1	20.630.253	4.285.085				Bộ GTVT	
7	Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình (hạng mục còn lại)	VEC				1	8.974.000	460.616				Bộ GTVT	
8	Dự án cao tốc Nội Bài - Lào Cai (phần còn lại)	VEC				1	30.132.000	12.727.311				Bộ GTVT	
<b>c</b>	<b>Nhóm B</b>		<b>2</b>	<b>3.868.524</b>	<b>230.407</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
1	Dự án xây dựng cầu Đà Rằng, cầu sông Chùa trên QL1 cũ tỉnh Phú Yên (HM cầu Sông Chùa)	Ban TL	1	396.002	36.000							Bộ GTVT	
2	Dự án nâng cấp QL24 đoạn nối từ tỉnh Quảng Ngãi đến Kon Tum (Km 8-Km165)	Ban QLDA85	1	3.472.522	194.407							Bộ GTVT	
<b>d</b>	<b>Nhóm C</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
<b>II</b>	<b>Tổng cộng dự án PPP</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1</b>	<b>1.398.148</b>	<b>725.309</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
1	Dự án BOT tuyến tránh Cai Lậy	Ban 8				1	1.398.148	725.309				Bộ GTVT	
<b>C</b>	<b>Tổng cộng dự án hoàn thành trong năm báo cáo</b>		<b>1</b>	<b>211.383</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
<b>I</b>	<b>Tổng cộng vốn nhà nước</b>		<b>1</b>	<b>211.383</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		

TT	Loại dự án	Chủ đầu tư/Ban QLDA	Dự án trong thời hạn lập báo cáo quyết toán			Dự án chậm trình quyết toán dưới 24 tháng			Dự án chậm trình quyết toán từ 24 tháng trở lên			Cơ quan phê duyệt	Ghi chú
			Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng số vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng số vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng số vốn đã thanh toán		
<b>a</b>	<b>Dự án quan trọng quốc gia</b>												
<b>b</b>	<b>Nhóm A</b>		<b>1</b>	<b>211.383</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
1	Dự án LRAMP (gồm 11 dự án thành phần)	Tổng cục ĐBVN	1	211.383									chưa có giá trị TT
<b>c</b>	<b>Nhóm B</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
<b>d</b>	<b>Nhóm C</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
<b>II</b>	<b>Tổng cộng dự án PPP</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		